

Số: /GPMT-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 04/6/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Thủy điện Mường Kim II”;

Xét Công văn số 67/CV-TU ngày 25/12/2024 của Công ty Cổ phần thủy điện Than Uyên về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường công trình Thủy điện Mường Kim II và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3601/TTr-STNMT ngày 30/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần thủy điện Than Uyên, địa chỉ tại bản Ngã Ba, xã Mường Kim, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Thủy điện Mường Kim II, địa chỉ xã Mường Kim, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Thủy điện Mường Kim II.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Mường Kim, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp: 6200088517 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu

tư tỉnh Lai Châu cấp lần đầu ngày 16/5/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 03/10/2019.

1.4. Mã số thuế: 6200088517.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất điện (thủy điện).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích sử dụng đất của cơ sở: 29.870,6 m².

- Quy mô: Dự án đầu tư nhóm II theo tiêu chí về môi trường quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Công suất phát điện là 12 MW (03 tổ máy).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần thủy điện Than Uyên

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ cơ sở là Công ty Cổ phần thủy điện Than Uyên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật. Trường hợp các công trình, biện pháp xử lý nước thải không đảm bảo quy chuẩn, chất thải rắn không đảm bảo quy định, yêu cầu rà soát, điều chỉnh công trình, biện pháp xử lý để đảm bảo xử lý chất thải đạt quy chuẩn, quy định trước khi thải ra môi trường.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm

(từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung Giấy phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở theo quy định của pháp luật; giao Sở Tài nguyên và Môi trường cử công chức kiểm tra thực tế trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công ty Cổ phần thủy điện Than Uyên;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Than Uyên;
- UBND xã Mường Kim;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- VP.UBND tỉnh: V2, V3, CB, HCC;
- Lưu: VT, Kt7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trọng Hải

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GPMT-UBND
ngàythángnăm của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: nước thải sản xuất (nước thải nhiễm dầu).
- Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên nhà máy.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Nậm Kim tại bản Ngã Ba, xã Mường Kim, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Dòng nước thải số 01 tương ứng nguồn thải số 01:
 - + Vị trí xả nước thải: Bản Ngã Ba, xã Mường Kim, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;
 - + Tọa độ vị trí xả nước thải: X (m) = 2420096; Y (m) = 411017 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 103, múi chiếu 3⁰).
- Dòng nước thải số 02 tương ứng nguồn thải số 02:
 - + Vị trí xả nước thải: Bản Ngã Ba, xã Mường Kim, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;
 - + Tọa độ vị trí xả nước thải: X (m) = 2419949; Y (m) = 412410 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 103, múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 3,5 m³/ngày (24 giờ).

- Dòng nước thải số 01: 03 m³/ngày.
- Dòng nước thải số 02: 0,5 m³/ngày.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Dòng số 01 (tương ứng với nguồn số 1): nước thải sau xử lý được bơm theo đường ống thép đường kính D110 mm dài 5 m chảy ra kênh xả hạ lưu nhà máy rồi chảy ra suối Nậm Kim (điểm xả thải số 01), điểm xả nước thải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.
- Dòng số 02 (tương ứng với nguồn số 2): nước thải sau xử lý tự chảy theo đường ống PVC đường kính 110 mm dài 5 m chảy ra suối Nậm Kim (điểm xả

thải số 02), điểm xả nước thải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

- Phương thức xả nước thải:

+ Dòng số 01 (tương ứng với nguồn số 1): bơm cưỡng bức;

+ Dòng số 02 (tương ứng với nguồn số 2): tự chảy.

- Hình thức xả thải: xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Dòng nước thải số 01: xả gián đoạn.

- Dòng nước thải số 02: xả gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải tương ứng, cụ thể như sau:

- Dòng số 01: đảm bảo đúng QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$).

STT	Thông số phân tích	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm
			QCVN40:2011/BTNMT (Cột A; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$)
1	pH	-	6-9
2	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40
3	Độ màu	Pt/Co	50
4	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	32,4
5	COD	mg/l	81
6	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	54
7	Sắt	mg/l	1,08
8	Tổng phenol	mg/l	0,108
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5,4
10	Sunfua	mg/l	0,216
11	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,4
12	Tổng nitơ	mg/l	21,6
13	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	4,32
14	Clo dư	mg/l	1,08
15	Coliforms	MPN/ 100ml	3.000

- Dòng số 02: đảm bảo đúng QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A với hệ số $K = 1,2$).

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 4:2008/BTNMT (Cột A; K = 1,2)
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 01: nước thải sản xuất (nước thải nhiễm dầu) khoảng 03 m³/ngày (24 giờ) được thu gom, xử lý tại hệ thống bể tách dầu có thể tích 25,8 m³, lọc dầu bằng tấm lọc dầu, vải lọc dầu và định kỳ vệ sinh, thay tấm lọc, vải lọc dầu để đảm bảo lọc dầu hiệu quả, bố trí bơm nước với lưu lượng thiết kế là 1,2m³/ giờ để hút bơm nước theo đường ống thép đường kính D110 mm dài 5m chảy ra kênh xả hạ lưu nhà máy.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại có thể tích 6,12 m³ dẫn qua bể sinh học có thể tích 4,095 m³ theo đường ống nhựa PVC đường kính D110 mm ra suối ở hạ lưu nhà máy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sản xuất

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải sản xuất → bể thu nước rò rỉ →

bể tách dầu (có đặt tấm lọc dầu, vải lọc dầu giữa ngăn chứa nước nhiễm dầu và ngăn chứa nước sạch) → hồ tháo cạn → bơm → nguồn tiếp nhận.

- Số lượng: 01 hệ thống (tại nhà máy).

- Dung tích: bể thu nước rò rỉ 25,8 m³; bể tách dầu 25,8 m³; hồ tháo cạn 70,95 m³.

- Vật liệu, công cụ sử dụng: bơm, tấm lọc dầu, vải lọc dầu.

1.2.2. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

- Bể tự hoại 03 ngăn:

- + Tóm tắt quy trình công nghệ: nước bồn cầu, bồn tiểu → bể tự hoại 03 ngăn (ngăn chứa → ngăn lắng → ngăn lọc) → bể sinh học.

- + Số lượng: 01 bể tại khu nhà quản lý vận hành.

- + Dung tích bể: 6,12 m³.

- + Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm vi sinh.

- Bể sinh học 03 ngăn

Tóm tắt quy trình công nghệ: nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng bể tự hoại → bể sinh học 03 ngăn → ống thoát nước → nguồn tiếp nhận.

- Số lượng: 01 bể (tại khu vực khu nhà quản lý vận hành).

- Dung tích bể: 4,095 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: thực vật như cỏ nền, cỏ vertiver ...

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: cơ sở không thuộc đối tượng phải giám sát tự động, liên tục đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và hệ thống xử lý nước thải sản xuất theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế; kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom và thoát nước thải sau xử lý, tránh tắc nghẽn làm ảnh hưởng đến việc vận hành của các bể, hệ thống xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Vận hành thử nghiệm ngay sau khi được cấp giấy phép môi trường; chủ cơ sở tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về thời gian vận hành thử nghiệm nhưng không quá sáu (06) tháng tính từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại khu Nhà quản lý vận hành.

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất tại khu Nhà máy.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Nước thải sinh hoạt: tại vị trí điểm xả sau xử lý tại bể sinh học.
- Nước thải sản xuất: tại điểm xả nước thải sau khi được xử lý của hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo nội dung được cấp phép tại Mục A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (việc quan trắc chất thải do chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Toàn bộ nước thải từ quá trình hoạt động phải được xử lý đảm bảo quy chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường. Vị trí các điểm xả nước thải sau xử lý của cơ sở ra môi trường phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng tại vị trí xả nước thải vào nguồn tiếp nhận; điểm xả nước thải vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo ở vị trí dễ quan sát, dễ lấy mẫu, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát.

3.3. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành; hệ thống thu gom, thoát nước mưa phải riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.4. Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, trong đó lưu ý: phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Than Uyên trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm; tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GPMT-UBND
ngàythángnăm của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: khu vực đặt 03 tổ máy phát điện.
- Nguồn số 02: thủy năng của dòng chảy sau tuabin tại khu vực Nhà máy.
- Nguồn số 03: từ máy phát điện dự phòng tại khu vực điều hành của Nhà máy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ : X= 2420207; Y = 411127
- Nguồn số 02: Tọa độ : X= 2420198; Y = 411146
- Nguồn số 03: Tọa độ : X= 2420213; Y = 411131

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 103^0 , múi chiều 3^0)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không áp dụng	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không áp dụng	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ hệ thống tuabin phát điện, máy phát điện dự phòng đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: lắp đặt đệm cao su cho các động cơ để giảm thiểu chấn động trong quá trình vận hành. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GPMT-UBND
ngày.....tháng.....năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng phát sinh chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên dự kiến:

TT	Chất thải nguy hại	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Cặn sơn thải (bao gồm cả vỏ, hộp đựng sơn)	08 01 01	10
2	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	05
3	Giẻ lau, vải bảo vệ thải có bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	10
4	Dầu thải từ thiết bị tách dầu (lẫn nước)	17 05 04	30
5	Tụ điện hỏng thải bỏ	19 02 06	05
6	Vỏ các can thùng chứa dầu mỡ bôi trơn thải	18 01 03	30
7	Pin/ắc quy chì thải	16 01 12	30
8	Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải	17 03 04	20
9	Dầu thủy lực tổng hợp	17 01 06	30
10	Các bộ phận hỏng của máy móc có dính dầu mỡ	19 12 02	10
11	Tấm lọc tách dầu	18 02 01	30
	Tổng số lượng		210

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	12 06 13	500
	Tổng cộng		500

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 1,5 kg/ngày.

1.4. Rác thải từ thượng nguồn trôi về hồ chứa: khoảng 300 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: thùng có nắp đậy, dán nhãn theo quy định.

- Kho/khu vực lưu chứa: không bố trí kho riêng, bố trí khu vực lưu giữ có diện tích 3 m² đặt tại sàn nhà máy Thủy điện Mường Kim II, (kích thước: chiều dài 2 m x chiều rộng 1,5 m), mặt sàn bê tông kín khít, đảm bảo khô thoáng, có gờ bao xung quanh khu vực lưu giữ cao hơn mặt sàn, lắp đặt biển báo, dấu hiệu cảnh báo, dán nhãn, thiết bị phòng cháy chữa cháy; kho có bố trí xẻng, cát để xử lý trong trường hợp chất thải nguy hại chảy tràn.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: không có thiết bị lưu chứa riêng (do bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được chứa tại bể tự hoại 3 ngăn và tại bể sinh học sau đó được định kỳ thuê đơn vị đủ năng lực hút bằng xe chuyên dụng và xử lý theo quy định).

- Kho lưu chứa: không bố trí kho lưu giữ riêng (bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt được định kỳ thuê đơn vị đủ năng lực hút bằng xe chuyên dụng và xử lý theo quy định).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng chứa rác tại khu vực nhà quản lý vận hành để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Kho lưu chứa: không bố trí kho lưu chứa riêng.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ rác thải từ thượng nguồn trôi về hồ chứa

- Thiết bị lưu chứa: dùng phao quây, lưới chắn rác để khống chế rác thải phát tán, thu gom bằng bè kéo, kéo về vị trí tập kết, sau đó được thu gom thủ công và phân loại tại chỗ và xử lý như chất thải rắn thông thường.

- Kho/khu vực lưu chứa: không bố trí kho lưu chứa riêng.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

- Chất thải có khả năng tái chế được bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Sau khi phân loại rác thải tại nguồn chủ dự án vận chuyển bằng thùng có nắp đậy trên xe ô tô của nhà máy tới bãi rác tập trung của xã Hồ Bốn, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái cách khoảng 4 km.

3.2. Rác thải từ thượng nguồn trôi về hồ chứa

- Đối với các cành cây có kích thước lớn: cho bà con nhân dân xung quanh làm củi đốt; cành nhỏ, rế, lá cây được xử lý bằng phương pháp chôn trong diện tích được giao đất của cơ sở.

- Đối với chất thải thông thường khác được xử lý như chất thải sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Theo dõi thường xuyên đập dâng, hồ chứa và hệ thống cảnh báo an toàn lòng hồ, vùng hạ du hồ chứa trong quá trình vận hành Nhà máy; thường xuyên kiểm tra, giám sát xói lở dọc hai bờ suối Nậm Kim trong quá trình vận hành thủy điện Mường Kim II để kịp thời khắc phục các tác động tiêu cực do sạt lở gây ra.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành dự án theo quy định của pháp luật hiện hành./.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GPMT-UBND
ngày.....tháng.....năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở Thủy điện Mường Kim II không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở Thủy điện Mường Kim II không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh Lai Châu. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định. Tiếp tục thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.

2. Duy trì dòng chảy tối thiểu theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp và theo quy định tại Thông tư 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

3. Thực hiện giám sát các thông số thủy văn phục vụ cho việc vận hành xả lũ; thường xuyên theo dõi hệ thống cảnh báo an toàn lòng hồ và vùng hạ du hồ chứa để có phương án ứng phó sự cố trong quá trình vận hành.

4. Thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về an toàn đập, hồ chứa nước.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất;

công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới./.